

CÁC BỘ**LIÊN BỘ****TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO -
BỘ TÀI CHÍNH**

THÔNG TƯ liên tịch số **01/2003/TTLT-TANDTC-BTC** ngày **08/10/2003** hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số **211/2003/NQ-UBTVQH11** ngày **09/01/2003** của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chế độ trang phục đối với cán bộ, công chức Tòa án nhân dân các cấp và Hội thẩm nhân dân địa phương.

Thi hành Nghị quyết số 221/2003/NQ-UBTVQH11 ngày 09 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về trang phục đối với cán bộ, công chức ngành Tòa án và Hội thẩm, Giấy chứng minh Thẩm phán và Giấy chứng minh Hội thẩm, liên

ngành Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện chế độ trang phục đối với cán bộ, công chức Tòa án nhân dân các cấp và Hội thẩm Tòa án nhân dân địa phương như sau:

**I. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC CẤP
TRANG PHỤC**

Đối tượng được cấp phát trang phục gồm:

1. Thẩm phán, cán bộ, công chức Tòa án nhân dân các cấp được tuyển dụng trong chỉ tiêu biên chế được duyệt.
2. Những người được bầu làm Hội thẩm Tòa án nhân dân.

**II. TIÊU CHUẨN, NIÊN HẠN SỬ
DỤNG TRANG PHỤC**

1. Cán bộ, công chức Tòa án nhân dân các cấp được cấp trang phục theo niên hạn sử dụng như sau:

Số thứ tự	Tiêu chuẩn trang phục	Số lượng	Thời hạn sử dụng
1	Quần áo thu đông	1 bộ	2,5 năm (lần đầu cấp 2 bộ)
2	Áo khoác chống rét	1 chiếc	5 năm
3	Quần áo xuân hè	1 bộ	1 năm (lần đầu cấp 2 bộ)
4	Áo sơ mi dài tay	1 chiếc	1 năm (lần đầu cấp 2 chiếc)
5	Thắt lưng	1 chiếc	2 năm
6	Giày da	1 đôi	2 năm (lần đầu cấp 2 đôi)
7	Bít tất	2 đôi	1 năm
8	Đép có quai hậu	1 đôi	1 năm
9	Cà vạt	2 chiếc	5 năm
10	Áo mưa	1 chiếc	2 năm

Thẩm phán, Thư ký Tòa án, chuyên viên còn được cấp cặp đựng tài liệu: 3 năm một chiếc.

2. Hội thẩm Tòa án nhân dân địa phương được cấp trang phục theo niên hạn như sau:

Số thứ tự	Tiêu chuẩn trang phục	Số lượng	Thời hạn sử dụng
1	Quần áo thu đông	1 bộ	5 năm
2	Quần áo xuân hè	2 bộ	5 năm
3	Áo sơ mi dài tay	2 chiếc	5 năm
4	Thắt lưng	1 chiếc	2,5 năm
5	Giày da	2 đôi	5 năm
6	Bít tất	1 đôi	1 năm
7	Cà vạt	2 chiếc	5 năm

Hình thức, mẫu sắc, chất liệu các loại trang phục đối với Thẩm phán, cán bộ, công chức Tòa án nhân dân các cấp và Hội thẩm nhân dân do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VIỆC MAY SẮM TRANG PHỤC

1. Hàng năm căn cứ vào đối tượng được cấp trang phục, số lượng, chủng loại trang phục đến niên hạn trang cấp, các đơn vị dự toán trực thuộc Tòa án nhân dân tối cao lập dự toán cùng với dự toán ngân sách năm gửi Tòa án nhân dân tối cao để tổng hợp vào dự toán ngân sách toàn ngành gửi Bộ Tài chính.

2. Chánh án Tòa án nhân dân cấp nào chịu trách nhiệm tổ chức việc mua sắm trang phục cho cán bộ, công chức Tòa án nhân dân và Hội thẩm nhân dân cấp đó theo đúng chế độ quản lý tài chính hiện hành và đối tượng, chủng loại, niên hạn hướng dẫn tại Thông tư liên tịch này; mở sổ sách theo dõi cấp phát trang phục đến từng cá nhân theo mẫu thống nhất do Tòa án nhân dân tối cao quy định.

3. Trang phục bị hư hỏng, mất mát vì lý do khách quan thì được cơ quan cấp bổ sung. Trong trường hợp không có lý do chính đáng thì cá nhân phải tự mua sắm.

4. Kinh phí mua sắm trang phục cho cán bộ, công chức ngành Tòa án và Hội thẩm nhân dân được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của ngành Tòa án.

5. Việc thanh toán, quyết toán kinh phí may sắm trang phục đối với cán bộ, công chức và Hội thẩm Tòa án nhân dân các cấp được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Thông tư liên tịch này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Thông tư liên tịch số 195/TT-LN ngày 11 tháng 3 năm 1995 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trang phục đối với Thẩm phán, cán bộ, nhân viên Tòa án nhân dân các cấp và Thông tư liên tịch số 09/2001/TT-LN ngày 19/12/2001

của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện chế độ trang phục đối với Hội thẩm Tòa án nhân dân các cấp.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh về Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

KT. Chánh án Tòa án
nhân dân tối cao
Phó Chánh án

HOÀNG KHANG

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

NGUYỄN CÔNG NGHIỆP

BỘ XÂY DỰNG

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ
Xây dựng số 23/2003/QĐ-BXD
ngày 15/9/2003 về việc ban
hành 3 Tiêu chuẩn về cách
nhiệt chuyển dịch từ tiêu chuẩn
ISO thành 3 Tiêu chuẩn Xây
dựng Việt Nam**

TCXD VN 298: 2003; 299: 2003 và
300: 2003.

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 36/2003/NĐ-CP

*ngày 04/4/2003 của Chính phủ quy định
chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ
cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Biên bản số 08/BXD-HĐKHKT
ngày 15/01/2003 của Hội đồng Khoa học
kỹ thuật chuyên ngành nghiệm thu
chuyển dịch 03 tiêu chuẩn quốc tế về cách
nhiệt;*

*Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học
Công nghệ và Viện trưởng Viện Nghiên
cứu Kiến trúc,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết
định này 03 Tiêu chuẩn Xây dựng Việt
Nam:

- TCXDVN 298: 2003 “Cấu kiện và các
bộ phận của công trình - Nhiệt trở và độ
truyền nhiệt - Phương pháp tính toán”.

- TCXDVN 299: 2003 “Cách nhiệt - Các
đại lượng vật lý và định nghĩa”.

- TCXDVN 300: 2003 “Cách nhiệt -
Điều kiện truyền nhiệt và các đặc tính
của vật liệu - Thuật ngữ”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau
15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Các Chánh Văn phòng Bộ, Vụ
trưởng Vụ Khoa học Công nghệ, Viện
trưởng Viện Nghiên cứu Kiến trúc và